

LịchRác tái chế được/Lịch Rác không cháy được 2026-2027

令和8年度 朝倉市 資源ごみ・不燃ごみを出す日程表(ベトナム語版 朝倉地域)

Asakura Esonoshuku, Yamada, Hishino, Mishima, Hisashige, Shimokomōnakagumi, Shimokomō3

Miyano Yamaushiro, Kamisugawa, Onishi, Raikōji, Chōanji, Shimosugawa, Yasaka, Tateno, Nakamiyano, Ochiai, Shimomachi, Kamihi1, Kamihi2, Shimohi, Shindō, Usunoin

Ōba Uenoharu, Otōmaru, Zenkōji, Jyūmonji, Mitera, Chūō, Kotsuka, Ōsumi, Yonamochi

Fukunari Nishiiriji, Higashiiriji, Irijinakamachi, Higashinakamachi, Tadare, Tanaka, Kamidera, Higashinagafuchi, Nishinagafuchi, Tatedashi, Ishinari

Tháng 4 năm 2026						
C.N	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
Asakura	13	14	15	16	17	18
Miyano	20	21	22	23	24	25
Ōba	27	28	29	30		
Fukunari						

Tháng 5 năm 2026						
C.N	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
Asakura	11	12	13	14	15	16
Miyano	18	19	20	21	22	23
Ōba	25	26	27	28	29	30
Fukunari						
31						

Tháng 6 năm 2026						
C.N	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
Asakura	15	16	17	18	19	20
Miyano	22	23	24	25	26	27
Ōba	29	30				
Fukunari						

Tháng 7 năm 2026						
C.N	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
Asakura	13	14	15	16	17	18
Miyano	20	21	22	23	24	25
Ōba	27	28	29	30	31	
Fukunari						

Tháng 8 năm 2026						
C.N	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
Asakura	10	11	12	13	14	15
Miyano	17	18	19	20	21	22
Ōba	24	25	26	27	28	29
Fukunari	31					
30						

Tháng 9 năm 2026						
C.N	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
Asakura	14	15	16	17	18	19
Miyano	20	21	22	23	24	25
Ōba	27	28	29	30		
Fukunari						

Tháng 10 năm 2026						
C.N	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
Asakura	12	13	14	15	16	17
Miyano	19	20	21	22	23	24
Ōba	26	27	28	29	30	31
Fukunari						

Tháng 11 năm 2026						
C.N	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
Asakura	9	10	11	12	13	14
Miyano	16	17	18	19	20	21
Ōba	22	23	24	25	26	27
Fukunari	29	30				

Tháng 12 năm 2026						
C.N	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
Asakura	14	15	16	17	18	19
Miyano	21	22	23	24	25	26
Ōba	28	29	30	31		
Fukunari						

Tháng 1 năm 2027						
C.N	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
Asakura	18	19	20	21	22	23
Miyano	24	25	26	27	28	29
Ōba	31					
Fukunari						

Tháng 2 năm 2027						
C.N	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
Asakura	15	16	17	18	19	20
Miyano	22	23	24	25	26	27
Ōba						
Fukunari						

Tháng 3 năm 2027						
C.N	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
Asakura	15	16	17	18	19	20
Miyano	22	23	24	25	26	27
Ōba	29	30	31			
Fukunari						